

ỦY BAN DÂN TỘC

**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc
ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20**

Tên đề tài

**“MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC
TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI VIỆT – LÀO”**

Mã số: CTDT.16.17/16-20

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài:

PGS, TS. VĂN ĐỨC THANH

Tổ chức chủ trì đề tài:

Trung tâm nghiên cứu quyền con người vùng dân tộc, miền núi.

Hà Nội, năm 2021

ỦY BAN DÂN TỘC

Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc
ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20

Tên đề tài

“MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC
TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI VIỆT – LÀO”

Mã số: CTDT.16.17/16-20

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài



PGS, TS. Văn Đức Thanh

Tổ chức chủ trì đề tài



TS. Hoàng Xuân Lương

Hà Nội, năm 2020

Từ kết quả nghiên cứu đề tài “**Một số vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt - Lào**”

I- KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHỦ YẾU CỦA ĐỀ TÀI

Đề tài CTDT 17/16-20 nằm trong tổng thể Chương trình CTDT/16-20 nghiên cứu “*Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030*”. Giá trị lý luận và thực tiễn của đề tài thể hiện tập trung ở chỗ:

Một là, luận giải những vấn đề lý luận và nội dung cơ bản để vạch ra những khía cạnh bản chất và những mối tương tác mang tính quy luật giữa chính sách dân tộc với khách thể đặc thù là sự phát triển cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào theo tiêu chí phát triển bền vững.

Hai là, đánh giá tổng hợp kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn với cái nhìn tổng quan mới, đưa vào hệ tiêu chí mới.

Ba là, phân tích thực tiễn hiệu quả, tác động của chính sách, từ đó tổng hợp, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu cho việc đề xuất chính sách.

Bốn là, dự báo tình hình, xu hướng và khả năng phát triển của khách thể nghiên cứu, dự báo những nhân tố nảy sinh.

Năm là, đề xuất quan điểm, phương hướng và hệ giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện chính sách dân tộc sao cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn. Toát lên trong toàn bộ nội dung là 2 hệ vấn đề cơ bản: Cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào và Chính sách vận dụng cho phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào.

Thực tiễn hiệu quả, tác động của chính sách đến cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào được nhìn nhận ở *nhiều phương diện*: hiệu quả, tác động đến phát triển đời sống kinh tế; hiệu quả, tác động đến phát triển đời sống chính trị; hiệu quả, tác động đến phát triển đời sống văn hoá; hiệu quả, tác động đến giải quyết những vấn đề xã hội; hiệu quả, tác động đến phát triển môi trường sinh thái; hiệu quả, tác động đến bảo đảm và tăng cường quốc phòng – an ninh. Về cơ bản, việc nhận thức đối với chính sách dân tộc là đúng đắn, cả trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và trong nhân dân mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, vẫn còn có khuynh hướng coi chính sách là “cứu cánh

vạn năng” , là “cần câu cơm” duy nhất, dẫn đến tư tưởng ỷ lại, thiếu chủ động; hoặc đối với những chính sách bộc lộ bất cập thì dẫn đến mất lòng tin. Thực tiễn hiệu quả chính sách đối với từng phương diện là rõ rệt, đảm bảo tính thực thi, có nhiều địa phương rất tích cực, chủ động tìm ra nguồn bảo đảm chính sách. Tuy nhiên, cũng có sự thiếu đồng bộ trong công tác chính sách... Thực tiễn tác động làm chuyển biến tình hình của chính sách về cơ bản đã thể hiện được tính giá trị, tạo nên những chuyển biến rõ rệt về đời sống của đồng bào. Tuy nhiên, nhìn chính thể tác động của chính sách đến từng phương diện cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung vào xóa đói giảm nghèo mà chưa có tác động làm chuyển biến căn bản đời sống kinh tế; hoặc mới chỉ tác động đến kinh tế, xây dựng hệ thống chính trị, quốc phòng – an ninh nhưng chưa làm chuyển biến tốt đến những vấn đề văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường sinh thái... Theo đó, sức lan tỏa, tính ý nghĩa của chính sách vẫn còn hạn hẹp. Một trong những nguyên nhân của sự hạn chế, bất cập là do chưa bám sát tính đặc thù của từng cộng đồng, nhất là sự phát triển và nhu cầu mới của đồng bào khi đất nước bước vào hội nhập.

Từ khảo sát thực tiễn, đề tài đã đúc rút một số ***kinh nghiệm về vận dụng chính sách dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào***, trong đó nổi lên mấy khía cạnh gồm: *Thứ nhất*, chính sách của ta đang là chính sách đơn tuyến (giải quyết một loại sự vụ), trong khi cộng đồng các dân tộc xuất hiện các vấn đề đều là đa tuyến (giải quyết cơ bản, toàn diện, hệ thống), nên khó tránh khỏi phiền diện. *Thứ hai*, chính sách của ta đang là chính sách ứng phó mang tính thời đoạn, trong khi vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc là lâu dài, xuyên suốt, phải được xử lý bằng tầm nhìn chiến lược, một hệ thống chính sách toàn diện. *Thứ ba*, nhiều chính sách quá thì khó tránh khỏi chồng chéo, phải “căng mình” để thực hiện nên khó kiểm soát được quá trình tổ chức thực hiện, đặc biệt là không có thời gian “thăm thía” được hiệu quả, tác động của chính sách. *Thứ tư*, xét dọc theo tuyến biên giới Việt – Lào, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng các dân tộc cũng không đồng đều, Truyền thống văn hóa khác nhau, trong khi đó hệ thống chính sách lại thống nhất đến mức không cho phép vận dụng, nên gây nhiều bất cập. *Thứ năm*, chính sách đúng nhưng nguồn lực không bảo đảm thực thi chính sách vẫn còn là đại vấn đề không dễ giải quyết; có thể phải tính đến phương án Trung ương chỉ ban hành chính sách khung, còn địa phương được quyền chủ động linh hoạt chính sách và cần phải xã hội hóa việc thực hiện chính sách. *Thứ sáu*, các chính sách chủ yếu mới mang tính hỗ trợ từ trên xuống,

từ bên ngoài vào, việc chuyển sang chính sách khuyến khích, tạo dựng nội lực từ bên trong cộng đồng vẫn chưa thỏa đáng và chưa đồng bộ. Thứ bảy, việc tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm công tác chính sách hiện nay vẫn chủ yếu tập trung đánh giá kết quả thực hiện, cần tăng cường đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách. Bảo đảm chính sách là *cái mà Nhà nước có*; song điều quan trọng là *cái mà đồng bào cần* là những gì, chứ không phải cái mà Nhà nước nghĩ rằng đồng bào cần.

Khảo sát thực tiễn của đề tài cũng đã tiến hành ***nhận diện một số vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào*** hiện nay

Về *phát triển kinh tế và phát huy nhân tố kinh tế*, thực trạng cho thấy: Thể chế và thiết chế kinh tế cơ bản đã được định hình theo thể chế kinh tế chung của đất nước; tuy nhiên do trình độ rất thấp trong xuất phát điểm về kinh tế của tuyến biên giới Việt – Lào nên ở tuyến này vẫn đang phải dựa hẳn vào chính sách. Xóa đói về cơ bản đã được thực hiện song giảm nghèo vẫn là bài toán gay gắt. Cơ cấu và tổ chức hoạt động kinh tế gần như thiếu gốc rễ: đất mênh mông nhưng thiếu đất sản xuất; thiếu lực lượng lao động nhưng người lao động vẫn phải đi xa quê làm thuê. Lợi ích kinh tế trông cậy vào bảo vệ rừng và trồng rừng, song không tìm được trong đó động lực kinh tế... Theo đó, việc phát huy nhân tố kinh tế trong cố kết và phát triển cộng đồng hiệu quả thấp. Trên thực tế, cái “chất kết dính cộng đồng” ở tuyến biên giới Việt – Lào hiện nay không phải là yếu tố kinh tế. Ngoài bức xúc chí tử về nền gốc kinh tế, lao động, việc làm, những bức xúc về kết cấu hạ tầng của đời sống cộng đồng đang nổi lên là: trong “điện – đường – trường – trạm” thì “đường” đang là vấn đề gay gắt nhất.

Đồng bào các dân tộc thiểu số trên tuyến biên giới Việt –Lào là “ Lỗi nghèo ” nhất của vùng Dân tộc thiểu số và của cả nước. Nguy cơ tụt hậu không chỉ so với cả nước mà tụt hậu với chính cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Về *vấn đề xây dựng chính trị và phát huy nhân tố chính trị*, thực trạng cho thấy: khác với nhiều cộng đồng các dân tộc tại chỗ của Tây Nguyên hiện nay vẫn chưa “quen” với hệ thống chính trị đa cấp, đồng bào các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào cơ bản đã hòa nhập hẳn với hệ thống chính trị của cả nước. Thậm chí đối với cộng đồng dân tộc Chứt vốn mới được phát hiện và đưa trở về đại gia đình các dân tộc Việt Nam thì trên thực tế cũng tỏ ra không hề xa lạ với hệ thống chính trị hiện hành. Thành thử, nếu như nói các hiện tượng “ly khai” ở

Tây Nguyên phần lớn do nguyên nhân nhận thức không đúng của đồng bào về Đại gia đình dân tộc thì cũng các hiện tượng ấy trên tuyến Việt – Lào, yếu tố địch là nguyên nhân chủ yếu và cơ bản nhất. Tuy nhiên, về cơ cấu và tổ chức hoạt động chính trị của cộng đồng cũng còn rất hạn chế, thậm chí chỉ mang tính hình thức. Một số nơi vẫn xảy ra bức xúc, phân biệt trong bố trí cán bộ địa phương. Việc nhận thức lợi ích chính trị không thấu đáo nên khó có thể phát huy động lực chính trị trong cố kết và phát triển cộng đồng. Đời sống chính trị chưa thực sự trở thành nhu cầu thường xuyên. Trong cộng đồng dân tộc Mông, hiện tượng nhu cầu phát triển cực đoan đang là bức xúc không thể coi nhẹ.

Về vấn đề phát triển văn hoá và phát huy nhân tố văn hoá của cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào, khảo sát thực tiễn cho thấy có những nét khởi sắc, thậm chí có những yếu tố khá ổn định, song cũng còn nhiều vấn đề bất cập, bức xúc, thậm chí có những vấn đề có thể dẫn đến nguy cơ. Trong thể chế và hệ thống thiết chế văn hoá chung, vấn đề giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc của văn hóa đang là đại vấn đề của nước ta khi tiến hành hội nhập. Giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc của văn hóa cũng là giữ gìn, phát huy nền văn hóa Việt Nam thống nhất – đa dạng. Trong thực tiễn, đời sống và nhu cầu phát triển văn hoá của cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào cũng được quan tâm và có nhiều nét khởi sắc, so với Tây Nguyên, Tây Nam Bộ có phần ổn định hơn khá nhiều do tương đối ổn định về không gian sinh tụ. Cơ cấu và tổ chức hoạt động văn hoá cũng có nhiều mặt được định hình và khá phong phú. Ý thức tự hào truyền thống, tự tôn văn hóa của đồng bào cũng gắn với lợi ích văn hóa mà họ được hưởng. Đồng thời, động lực văn hoá được coi trọng và phát huy trong cố kết và phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, Về văn hoá trong đời sống cộng đồng các dân tộc cũng bộc lộ những khía cạnh lạc hậu, yếu kém, bức xúc. Nổi bật nhất là mâu thuẫn giữa mặt bằng dân trí rất thấp trong khi những phương tiện và mạng xã hội lại phát triển tràn ngập; những hủ tục lạc hậu ẩn nấp sau khẩu hiệu giữ gìn bản sắc dân tộc; cùng với xu thế thả nổi văn hóa, lãng quên truyền thống; Một số dân tộc trên tuyến Biên giới Việt - Lào như: Cống, Mảng, Ó Đu, Chút, Brâu, Rơ Măm đang mất dần bản sắc văn hóa. Đó là nguy cơ không chỉ dẫn đến suy kiệt văn hóa mà còn đánh mất bản sắc cộng đồng.

Về vấn đề phát triển xã hội và phát huy nhân tố xã hội của cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào, việc khảo sát, điều tra xã hội học cho

thấy trong thực trạng phát triển về xã hội của cộng đồng hiện nay, bên cạnh những nét khởi sắc về hòa nhập thể chế và thiết chế xã hội – cộng đồng, về hoàn thiện cơ cấu và tổ chức hoạt động xã hội – cộng đồng, về nhận thức và xử lý ngày càng thỏa đáng hơn đối với lợi ích và động lực xã hội – cộng đồng, đời sống và nhu cầu phát triển xã hội – cộng đồng... cũng còn nhiều vấn đề bất cập, thậm chí bức xúc. Đó là các khía cạnh: hủ tục, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn tộc người, phức tạp về tôn giáo... Nhiều hủ tục cổ truyền mang tính chất lạc hậu : tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bao lực gia đình, chữa bệnh, sinh đẻ, mai táng mất vệ sinh... lại được phục hồi do trì trệ về đời sống kinh tế, yếu kém trong công tác văn hóa – giáo dục – tuyên truyền. Các tệ nạn xã hội mang tính cổ truyền như nghiện rượu, nghiện ma túy cũng có dấu hiệu lan tràn nặng hơn. Các tệ nạn mới xuất hiện và lan rộng như mãi dâm, buôn lậu, buôn lậu xuyên biên giới, tội phạm có tổ chức (thậm chí tội phạm vũ trang), buôn bán ma túy... mà nguyên nhân chủ yếu là do quản lý xã hội lỏng lẻo, pháp luật không được coi trọng. Việc phát huy nhân tố xã hội trong cố kết và phát triển cộng đồng bên cạnh ưu điểm về phát huy vai trò người có uy tín vẫn bộc lộ bất cập về phát huy sức thuyết phục của đội ngũ cán bộ chuyên trách cũng như bản thân tổ chức cộng đồng.

Về vấn đề xử lý môi trường sinh thái và phát huy nhân tố môi trường sinh thái của cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào, qua khảo sát thực tiễn và điều tra xã hội học cho thấy: sự gắn kết cộng đồng với môi trường sinh thái vẫn được duy trì tốt. Lợi ích người dân từ môi trường sinh thái và động lực, nhu cầu phát triển môi trường sinh thái từ người dân ngày càng được nhận thức và phát huy rõ ràng hơn. Tuy nhiên, ở phương diện này vẫn còn nhiều khía cạnh bất cập: tập tục dựa vào nguồn sống tự nhiên của rừng nên vẫn còn nguy cơ phá vỡ sự phát triển ổn định của môi trường sinh thái, mất vệ sinh, ô nhiễm nguồn nước...

Về vấn đề tăng cường quốc phòng – an ninh và phát huy vai trò quốc phòng – an ninh của cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào. Khảo sát thực trạng cho thấy, việc tham gia củng cố quốc phòng – an ninh của cộng đồng các dân tộc ở từng địa phương về cơ bản được thực hiện trong tất cả các nhiệm vụ: củng cố tiềm lực quốc phòng – an ninh, củng cố thể trận quốc phòng – an ninh, củng cố lực lượng quốc phòng – an ninh, củng cố phương thức, cơ chế vận hành quốc phòng – an ninh. Thực trạng bảo đảm quốc phòng - an ninh cho phát triển đời sống cộng đồng cũng được chú trọng. Tuy nhiên, về phát

huy vai trò cộng đồng trong củng cố quốc phòng – an ninh và bảo đảm trong quốc phòng – an ninh cho phát triển các lĩnh vực đời sống cộng đồng cũng có những bức xúc nhất định. Đặc biệt là các hoạt động ly khai, Buôn bán Ma túy, buôn người qua Biên giới, hoạt động tôn giáo trái phép... cùng với đó là tình trạng lớp trẻ đi làm ăn xa khó kiểm soát, tình trạng di cư tự do ngoài kiểm soát thì việc huy động lực lượng cho quốc phòng – an ninh tại chỗ, cũng như thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh sẽ xuất hiện các lỗ hổng lớn.

Để nhận diện một số vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào hiện nay, Đề tài cũng đã tiến hành Khảo sát *thực tiễn phát triển cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào trong điều kiện các quan hệ với bên ngoài*. Đó là các vấn đề phát triển cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào trong quan hệ quốc tế, khu vực, trong quan hệ với nhân dân các bộ tộc Lào, trong quan hệ với đại cộng đồng dân tộc Việt Nam, trong quan hệ với vùng không gian sinh tụ. Đề tài tập trung phân tích những động thái thực tiễn về quan hệ quốc tế, khu vực, vùng miền... của cộng đồng; đánh giá trình độ nhận thức, xử lý của chính quyền về phương diện chính sách; đánh giá trình độ nhận thức, xử lý của người dân và các tổ chức cộng đồng; đánh giá những bức xúc về quan hệ quốc tế, khu vực, vùng miền... của cộng đồng

Trong khảo sát thực tiễn nhằm nhận diện những vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào, Đề tài đã **khái quát một số vấn đề cấp bách hiện nay** và chỉ ra tương tác giữa chúng với những vấn đề cơ bản. Đó là: nghèo và tái nghèo; di cư sang Lào gây bất ổn cho bạn; buôn lậu và buôn ma túy qua biên giới; tội phạm xuyên quốc gia; rửa tiền; mại dâm và HIV (từ Lào về); tảo hôn, hôn nhân cận huyết; ly khai, vương quốc Mông; tôn giáo mới, các tác động thiếu văn hóa trên mạng xã hội ... Sự tương tác giữa những vấn đề cơ bản với những vấn đề cấp bách bao gồm: tính giao thoa giữa vấn đề cơ bản với vấn đề cấp bách; tính lan truyền, cộng hưởng giữa vấn đề cơ bản với vấn đề cấp bách; tính chuyển hoá giữa vấn đề cơ bản với vấn đề cấp bách.

Trong hoàn thiện chính sách nhằm phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào, nhất thiết phải quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, phương hướng :

- Đoàn kết các dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản và cấp bách của cách mạng Việt Nam, *các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng cùng phát triển.*

- *Các chính sách phải hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho vùng đồng bào DTTS&MN; lấy quan điểm đầu tư phát triển làm chủ đạo, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng; phát triển sản xuất gắn với thúc đẩy phát triển các hình thức liên kết, hợp tác nhằm tạo lập thay đổi quan hệ sản xuất phù hợp. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia.*

- *Đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định, đồng thời khuyến khích sự tham gia chủ động của đồng bào, khơi dậy ý chí tự lực vươn lên thoát nghèo, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của các Dân tộc thiểu số.*

- Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

- Cần xây dựng các cơ chế đặc thù để đảm bảo nguồn lực, phát huy tính chủ động của địa phương, cơ chế quản lý các chương trình dự án chính sách dân tộc phù hợp điều kiện vùng Dân tộc thiểu số;

- Đảm bảo sự quản lý nhà nước về các chính sách Dân tộc thống nhất, đồng bộ tránh được sự chồng chéo, trùng lặp;

- Đối với các tuyến biên giới phải kết hợp hài hòa chính sách dân tộc và chính sách đối ngoại, tuân thủ luật pháp và công ước quốc tế trong hoàn thiện chính sách;

Trên cơ sở những quan điểm, phương hướng chung đó, việc hoàn thiện chính sách nhằm phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào hiện nay là quá trình phát huy chủ thể trong nhận thức đồng thuận nhằm đổi mới đồng bộ hệ thống chính sách, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề bất cập, nhạy cảm trong hoạch định chính sách, bảo đảm tính hiệu lực pháp lý trong thực thi chính sách.

II- KIẾN NGHỊ CỦA ĐỀ TÀI

1) Kiến nghị với Quốc Hội

- Xây dựng Luật Dân tộc nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng về Đại đoàn kết dân tộc, về Dân tộc thiểu số;
- Thực hiện điều 70 của Hiến pháp, Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, bố trí tr lệ ngân sách hợp lý cho các chính sách dân tộc;
- Tăng cường vai trò giám sát nhằm phát hiện các hạn chế, bất cập để yêu cầu chính phủ sửa đổi, bổ sung, không ngừng hoàn thiện chính sách Dân tộc.

2) Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đề tài kiến nghị chính phủ các chính sách đặc thù sau đây:

- Bổ sung quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội bền vững các xã dọc hai bên biên giới Việt –Lào là một trong những nền tảng quan trọng cho tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào vào trong nội dung các phiên họp phân ban hợp tác Kinh tế Việt –Lào;
- Xây dựng hạ tầng kết nối các huyện, các vùng nguyên liệu hai bên biên giới;
- Hai Chính phủ bàn chủ trương cho các doanh nghiệp, hộ gia đình hai bên biên giới hợp tác khai thác các thế mạnh của nhau. Các bộ tộc Lào có đất đai, tài nguyên, lao động; phía bà con Việt Nam có kỹ thuật, công nghệ, vốn... cùng hợp tác sản xuất, kinh doanh và thống nhất phân chia lợi nhuận;
- Có chính sách thương mại đặc biệt qua các đường tiểu mạch tuyến biên giới Việt –Lào để vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa do nhân dân hai bên biên giới sản xuất ra;
- Giải quyết dứt điểm số dân hai bên biên giới sau phân định cắm mốc, nhất là các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng;
- Gắn kết nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trên tuyến biên giới Việt – Lào.

3) Kiến Nghị Với Ủy ban Dân tộc

- Khi phân định vùng Dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển phải làm rõ mức độ khó khăn của các xã vùng cao, vùng biên giới Việt - Lào để xác định hệ số đầu tư, cũng như ưu tiên các tiểu dự án cho vùng khó khăn nhất;
- Trong số 29 tộc người sống ở các huyện tuyến biên giới Việt - Lào thì các tộc người khó khăn nhất là Chứt, Ô Đu, Brau, Rơ Măm, Công, nhóm Đan Lai (thuộc Dân tộc Thổ);

- Thí điểm một số mô hình kết nối hộ gia đình hai bên biên giới, khai thác các thế mạnh của nhau, cùng giúp nhau phát triển kinh tế, nâng cao đời sống kết hợp bảo vệ an ninh biên giới;

- Phối hợp chặt chẽ với các Chương trình Quốc gia, các chương trình có mục tiêu để tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ ngành cho các xã vùng cao, vùng biên giới Việt- Lào.